



Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2024

**GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA
PHÁP LỆNH CHI PHÍ TỔ TỤNG SỐ 05/2024/UBTVQH15**

Ngày 11/12/2024, tại phiên họp thứ 40, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV đã thông qua Pháp lệnh Chi phí tố tụng. Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH PHÁP LỆNH

Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 370 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đều quy định: “*Căn cứ vào quy định của Bộ luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch; chi phí tố tụng khác do luật khác quy định và việc miễn, giảm chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án*”. Như vậy, Quốc hội đã giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhiệm vụ ban hành quy định cụ thể về chi phí tố tụng.

Điều 7 Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15, Điều 7 Pháp lệnh số 03/2022/UBTVQH15 quy định về chi phí trong việc xem xét, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính. Đây là những chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhưng chưa có quy định cụ thể.

Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 ngày 28/3/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng được ban hành để cụ thể hóa Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Luật Tố tụng hành chính năm 2010 nên một số quy định của Pháp lệnh này chưa đồng bộ, thống nhất với quy định của pháp luật hiện hành; một số quy định chưa chi tiết, không còn phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội hiện nay.

Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng pháp luật về chi phí tố tụng đang gặp một số khó khăn, vướng mắc như: (1) Mức chi cho Hội thẩm còn thấp, không khuyến khích được Hội thẩm tham gia thực hiện nhiệm vụ xét xử. (2) Việc tính tiền tạm ứng, trình tự, thủ tục thu, mức thu, mức chi chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ còn chưa thống nhất; (3) Việc thanh toán chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch còn chậm; (4) Chi phí cho người phiên dịch, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa phát sinh một số chi phí (chi phí xét nghiệm Covid-19) pháp luật chưa quy định gây nhiều khó khăn trong thực tiễn áp dụng.

Từ những căn cứ nêu trên, việc xây dựng, ban hành Pháp lệnh Chi phí tố tụng là rất cần thiết.

II. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LỆNH

Pháp lệnh này gồm 12 chương, 73 điều, cụ thể như sau:

- Chương I về “Những quy định chung” gồm có 13 điều, từ Điều 1 đến Điều 13.
- Chương II quy định về “Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính; chi phí xem xét tại chỗ trong tố tụng hình sự” gồm có 02 Mục với 07 điều, từ Điều 14 đến Điều 20.
- Chương III quy định về “Chi phí định giá tài sản” gồm 02 Mục với 12 điều, từ Điều 21 đến Điều 31.
- Chương IV quy định về “Chi phí giám định” gồm 02 Mục với 13 Điều, từ Điều 32 và Điều 45.
- Chương V quy định về “Chi phí cho Hội thẩm” gồm 03 điều, từ Điều 46 đến Điều 48.
- Chương VI quy định về “Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân trong trường hợp chỉ định người bào chữa trong tố tụng hình sự” gồm 02 điều, Điều 49 và Điều 50.
- Chương VII quy định về “Chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến” gồm 02 Mục với 07 điều, từ Điều 51 đến Điều 57.
- Chương VIII quy định về “Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật” gồm 02 Mục với 05 điều, từ Điều 58 đến Điều 62.
- Chương IX quy định về “Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài” gồm 03 Mục với 06 điều, từ Điều 63 đến Điều 68.
- Chương X quy định về “Chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án” gồm có 02 điều, Điều 69 và Điều 70.
- Chương XI quy định về “Kinh phí chi trả chi phí tố tụng” gồm 02 điều, Điều 71 và Điều 72.
- Chương XII quy định về “Điều khoản thi hành” (Điều 73)

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHÁP LỆNH CHI PHÍ TỐ TỤNG

1. Về phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh (Điều 1)

- Pháp lệnh này quy định về một số chi phí tố tụng; tạm ứng chi phí tố tụng; trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; kinh phí chi trả chi phí tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính và Luật Tổ chức Tòa án nhân dân.

- Việc xác định chi phí, tạm ứng chi phí, trách nhiệm chi trả, nghĩa vụ chịu chi phí, kinh phí chi trả chi phí trong quá trình Tòa án nhân dân xem xét, quyết định đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện

bắt buộc và xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh này.

- Án phí, lệ phí Tòa án không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh này.

2. Định mức chi phí tố tụng (Điều 4)

Mức chi phí thù lao cho người tham gia hoạt động tố tụng và phụ cấp xét xử đối với Hội thẩm được quy định tại Danh mục một số chi phí tố tụng ban hành kèm theo Pháp lệnh này. Ngoài mức chi phí thù lao này, thì (1) đối với chi phí đã có chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì mức chi căn cứ theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức đó; (2) đối với chi phí sử dụng dịch vụ, chi phí thu thập, phân tích thông tin, chi phí vật tư tiêu hao và chi phí khác thì mức chi căn cứ theo thực tế phát sinh trên cơ sở hợp đồng (nếu có), hóa đơn và chứng từ theo quy định của pháp luật.

3. Về miễn, giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính

- Điều 7 Pháp lệnh quy định người được miễn tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; miễn chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, gồm: Trẻ em; Cá nhân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; Người cao tuổi được hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật về người cao tuổi; Người khuyết tật được hưởng chính sách bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật về người khuyết tật; Người có công với cách mạng; Người dân tộc thiểu số cư trú ở các thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi của liệt sĩ, người có công nuôi liệt sĩ; Người nhiễm chất độc da cam.

- Điều 8 Pháp lệnh quy định người được giảm tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền tạm ứng chi phí giám định; giảm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính là: người gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến không có đủ tài sản để nộp tiền tạm ứng, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định.

- Từ Điều 9 đến Điều 12 Pháp lệnh quy định thủ tục đề nghị miễn, giảm; thẩm quyền quyết định miễn, giảm; mức giảm tiền tạm ứng chi phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định không vượt quá 50% tiền tạm ứng, chi phí mà người đó phải nộp.

4. Về chi phí tố tụng cụ thể (Điều 3)

4.1. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xem xét tại chỗ

- Quy định về xác định chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính (gồm chi phí cho người được mời tham gia xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí sử dụng dịch vụ trong trường hợp cần thiết phải sử dụng đơn

vị, tổ chức có chức năng chuyên môn thực hiện việc đo đạc, lồng ghép bản đồ, chi phí sử dụng dịch vụ thuê ngoài khác nhằm phục vụ trực tiếp cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí khác); nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí; thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

- Quy định về chi phí xem xét tại chỗ trong tố tụng hình sự gồm: chi phí xem xét tại chỗ cho người khác tham gia phiên tòa quy định tại Điều 314 Bộ luật Tố tụng hình sự; chi phí cho người tiến hành xem xét tại chỗ; chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí khác.

4.2. Chi phí định giá tài sản

- Quy định về chi phí cho thành viên Hội đồng định giá (gồm các chi phí: thù lao, đi lại, thuê phòng ngủ, phụ cấp lưu trú); chi phí thu thập, phân tích thông tin về đối tượng cần định giá; chi phí vật tư tiêu hao, chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí khác.

- Quy định về nghĩa vụ, trách nhiệm nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu, trách nhiệm chi trả, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản; không quy định chi phí định giá bổ sung cho phù hợp với các luật tố tụng.

4.3. Chi phí giám định

- Quy định (1) chi phí đi lại, chi phí thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú cho người thực hiện giám định; (2) xác định chi phí tiền lương, thù lao cho tổ chức, người thực hiện giám định; chi phí hao mòn, khấu hao máy móc, phương tiện, thiết bị, chi phí vật tư tiêu hao; chi phí sử dụng dịch vụ và chi phí khác; (3) giao cơ quan có thẩm quyền quy định, chỉ đạo việc quy định cách tính, nguyên tắc tính chi phí giám định; định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) trong lĩnh vực giám định thuộc thẩm quyền quản lý để khắc phục khó khăn, vướng mắc trong việc xác định chi phí giám định hiện nay.

- Quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu, trách nhiệm chi trả, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí giám định; thủ tục nộp tiền tạm ứng chi phí giám định.

4.4. Chi phí cho Hội thẩm

Quy định mức phụ cấp xét xử cho 01 ngày thực tế tham gia phiên tòa, nghiên cứu hồ sơ của Hội thẩm là 900.000 đồng/người/ngày.

4.5. Chi phí cho luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân

- Quy định chi phí cho người bào chữa là luật sư, trợ giúp viên pháp lý được xác định theo pháp luật luật sư, trợ giúp viên pháp lý; chi phí thù lao cho bào chữa viên nhân dân là 700.000 đồng/người/ngày.

- Quy định trách nhiệm chi trả chi phí cho người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa là luật sư, trợ giúp viên pháp lý, bào chữa viên nhân dân.

4.6. Chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến

Quy định chi phí cho người chứng kiến trong tố tụng hình sự. Quy định chi phí cho người làm chứng, người chứng kiến gồm: chi phí thù lao, chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí thuê phòng nghỉ và chi phí khác.

4.7. Chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật

- Quy định chi phí cho người phiên dịch, người dịch thuật gồm: chi phí tiền công, chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú, chi phí thuê phòng nghỉ và chi phí khác.

- Quy định mức chi phí tiền công đối với người phiên dịch cho người khuyết tật nhìn, người khuyết tật nghe, nói được thực hiện như mức chi đối với người phiên dịch dịch nói và dịch tài liệu bằng tiếng dân tộc thiểu số.

4.8. Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài

- Quy định về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, gồm các chi phí: dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ ủy thác tư pháp, thông báo kết quả thực hiện của nước được ủy thác tư pháp; tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài; thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài; chi phí theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan (nếu có). Việc xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được thực hiện theo pháp luật tương trợ tư pháp.

- Quy định về xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài trong tố tụng hình sự, gồm: xử lý hồ sơ ủy thác tư pháp; dịch thuật; triệu tập người làm chứng, người giám định; tổng đạt hồ sơ ủy thác tư pháp ở nước ngoài; chuyển phát tài liệu, hồ sơ tương trợ tư pháp ra nước ngoài; thu thập, cung cấp chứng cứ ở nước ngoài; chi phí ủy thác tư pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

- Quy định chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng ra nước ngoài trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính thông qua cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, gồm: sao chụp văn bản tố tụng, cước dịch vụ bưu chính ở trong nước, cước dịch vụ bưu chính ở nước ngoài, dịch thuật, chứng thực và chi phí khác.

- Quy định nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng, nghĩa vụ chịu chi phí, việc xử lý tiền tạm ứng chi phí.

4.9. Chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết vụ việc, vụ án

- Các đối tượng được chi trả chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp gồm: người định giá tài sản, đại diện tổ chức thực hiện giám định, cá nhân thực hiện giám định, người phiên dịch, người dịch thuật, người khác tham gia phiên tòa quy định tại Điều 314 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Quy định chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp gồm: chi phí thù lao, chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú, chi phí khác và trách nhiệm chi trả chi phí tham gia phiên tòa, phiên họp.

Trên đây là một số nội dung cơ bản của Pháp lệnh Chi phí tố tụng.

